

Số: 300/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 19 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND Thành phố “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 693/TTr-UBND ngày 10/12/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 100.000 triệu đồng của 11 dự án, công trình, cụ thể: (1) Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử là 9.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 1.000 triệu đồng; (2) Xây dựng Nhà Văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 3.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 2.880 triệu đồng; (3) Công trình Lắp dựng khung chữ "Yên Tử" tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 1.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 1.500 triệu đồng; (4) Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 14.797 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 143 triệu đồng; (5) Phục hồi rừng và cải tạo cảnh quan dọc hai bên tuyến đường Yên Tử đoạn từ dốc Chân Trục vào dốc Quàng Hái là 15.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 0 triệu đồng; (6) Sửa chữa, nâng cấp đường ranh giới, tuần tra bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử (thuộc phương án quản lý rừng bền vững

của Ban Quản lý Di tích và Rừng Quốc gia Yên Tử) là 3.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 0 triệu đồng; (7) Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN) là 15.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 10.000 triệu đồng; (8) Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí là 10.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 10.000 triệu đồng; (9) Sửa chữa trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí là 5.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 8.000 triệu đồng; (10) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí là 16.000 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 131.000 triệu đồng (trong đó Ngân sách Tỉnh hỗ trợ là 123.000 triệu đồng và ngân sách Thành phố là 8.000 triệu đồng); (11) Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí là 8.203 triệu đồng; kế hoạch sau điều chỉnh là 2.797 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Các dự án dự kiến khởi công trong năm 2025, kế hoạch vốn còn lại bố trí trong giai đoạn 2026-2030.

2. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 1.910.056 triệu đồng trong đó:

(1) Ngân sách Trung ương là **33.556 triệu đồng** phân bổ cho dự án đường tuần tra bảo vệ rừng và khu di tích đặc biệt quốc gia Yên Tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

(2) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là **383.000 triệu đồng** phân bổ cho 05 dự án, cụ thể: (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 130.000 triệu đồng), (2) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí là 116.000 triệu đồng và (3) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí là 123.000 triệu đồng; (4) Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí là 8.000 triệu đồng và (5) Trường mầm non Phương Nam phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí là 6.000 triệu đồng.

(4) Ngân sách Thành phố là **1.492.500 triệu đồng**, trong đó (i) Tiền sử dụng đất là 825.000 triệu đồng; (ii) Phí Yên Tử là 45.000 triệu đồng; (iii) Nguồn dự nguồn tiền lương đã được phép sử dụng là 97.500 triệu đồng; (iv) Nguồn tăng thu, kết dư, dự phòng chuyển sang đầu tư là 275.000 triệu đồng; (v) Nguồn phát sinh trong điều hành ngân sách hàng năm dành cho đầu tư (nguồn cân đối chi thường xuyên, phí môi trường than, bảo vệ đất lúa, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng...) là 250.000 triệu đồng.

(5) Nguồn vốn khác là **1.000 triệu đồng** phân bổ cho công trình Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN).

3. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

(1) Vốn bố trí dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: **447.696 triệu đồng**.

(2) Vốn bố trí cho chương trình, dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025 là **1.278.593 triệu đồng**.

(3) Vốn bố trí cho chương trình, nhiệm vụ khác là **183.767 triệu đồng**.

(4) Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn là **0 triệu đồng**.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và HĐND Thành phố về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu; thực hiện chế độ báo cáo HĐND, Thường trực HĐND Thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

- Quá trình triển khai, UBND Thành phố tiếp tục rà soát nhu cầu đầu tư theo thứ tự ưu tiên, xác định phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, hạn chế tối đa tình trạng kéo dài dự án sang giai đoạn sau do không cân đối được nguồn lực; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực và vai trò dẫn dắt của đầu tư công.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 300 /NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng một đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	232			3.137.551	825.943	1.910.056	417.556	1.492.500	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025	38			1.418.276	825.943	447.696	33.556	414.140	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	6			74.523	47.989	21.808		21.808	
1	Mở rộng Trường tiểu học Phương Đông B	1	8823	28/10/2019	11.344	9.000	1.807		1.807	Đã QT và tất toán
2	Trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	8854	30/10/2019	5.800	4.800	729		729	Đã QT và tất toán
3	Xây dựng nhà học 3 tầng trường THCS Trần Quốc Toản và Nhà rèn luyện thể chất	1	8856	30/10/2019	12.000	8.200	3.313		3.313	Đã QT và tất toán
4	Trường tiểu học Lê Hồng Phong, phường Bắc Sơn	1	6128	30/9/2020	11.931	11.872	59		59	Đã QT và tất toán
5	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng học trường TH Phương Nam A, phường Phương Nam, TP Uông Bí	1	8857	30/10/2019	5.580	4.117	836		836	Đã QT và tất toán
6	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (diện trường Khu Tân Lập)	1	8855	30/10/2019	27.868	10.000	15.065		15.065	Đã QT và tất toán
II	Lĩnh vực Văn hóa	3			110.720	36.130	45.359	33.556	11.803	
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng và Khu di tích đặc biệt quốc gia Yên tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	936 Tỉnh	30/3/2016	65.000	19.800	33.556	33.556		Ngân sách thành phố đã bố trí 4,8 tỷ đồng GD 2016-2020, CT Đã QT và tất toán
2	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	1	4293 Tỉnh	31/10/2017	26.220	7.330	1.000		1.000	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư được duyệt chấp thuận dự án		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bắc Hồ về thăm Uông Bí năm 1965 phường Trung Vương	1	3709	26/6/2020	19.500	9.000	10.803		10.803	Đã QT và tất toán
III	Lĩnh vực Kinh tế	23			1.004.366	511.213	340.561		340.561	
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận chuyển vào Nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	1367	20/3/2018	79.600	74.753	2.993		2.993	Đã QT và tất toán
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua thành phố Uông Bí - thành phố Hà Long theo hình thức BOT (GPMB thi công cầu vượt dân sinh)	1	1459	27/3/2018	979		979		979	Đã QT và tất toán
3	GPMB hộ gia đình ông Nguyễn Văn Rục, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	94	21/01/2013	656		656		656	Đã QT và tất toán
4	Tuyến đường đoạn từ ngã 3 Trần Phú đến nhà thi đấu thể thao người cao tuổi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	1524	03/4/2019	1.199	1.097	102		102	Đã QT và tất toán
5	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường vào Yên Tử	1	3302	21/6/2021	7.376	4.191	3.185		3.185	Đã QT và tất toán
6	Hàng mục: Đường dạo, cây xanh, đèn trang trí, tiểu cảnh xung quanh hồ công viên và cầu cảnh quan qua hồ công viên (đoạn từ đường Trần Phú đến biểu tượng thành phố)	1	8862	30/10/2019	5.500	4.000	554		554	Đã QT và tất toán
7	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	6978	30/10/2018	3.435	1.603	1.576		1.576	Đã QT và tất toán
8	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	1	7018	31/10/2018	250.000	140.321	80.497		80.497	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7042	31/10/2018	172.014	154.578	15.584		15.584	Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 100 tỷ đồng, Đã QT và tất toán
10	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphat khu dân cư hiện trạng	1	8858	30/10/2019	10.000	3.500	2.518		2.518	Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư được duyệt			Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/cháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt dự án		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
11	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	1	391	03/02/2021	150.000	2.500	100.591		100.591	Đã QT và tất toán
12	Đầu tư xây dựng tiếp D4 đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8860	30/10/2019	3.750	2.600	1.000		1.000	Đã QT và tất toán
13	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Uông Bí đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hải Thanh đến đập tràn liên hợp (đập nhà ông Phi) khu 12 khe)	1	4963; 202	26/10/2012; 16/01/2020	18.000	10.932	6.237		6.237	Đã QT và tất toán
	Hạ tầng phát triển quỹ đất	10			301.857	111.139	124.088		124.088	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng quy hoạch cấp đất ở dân cư khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	3096	22/5/2020	5.955	4.784	184		184	Đã QT và tất toán
2	XD CSHT khu quy hoạch cấp đất dân cư tại tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn Thành phố Uông Bí	1	5941	21/9/2020	7.569	6.600	579		579	Đã QT và tất toán
3	Hạ tầng kỹ thuật cấp đất dân cư khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8005a	10/12/2020	5.291	2.684	1.470		1.470	Đã QT và tất toán
4	Khu dân cư đôi Hang Hùm phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7031	31/10/2018	6.215	4.000	1.479		1.479	Đã QT và tất toán
5	Quy hoạch khu dân cư tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7036	31/10/2018	26.000	12.307	13.000		13.000	
6	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	746; 1095; 157	24/7/2019; 22/12/2020; 07/11/2023	110.000	38.000	54.806		54.806	
7	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	741; 51; 75; 210; 195	24/7/2019; 21/12/2021; 22/7/2022; 16/12/2023; 11/10/2024	19.094	6.800	12.294		12.294	
8	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8826	29/10/2019	31.276		31.276		31.276	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt (chương trình, dự án)	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/ tháng/ năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
9	Khu dân cư xen kẹt tại tổ 45C, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8822	28/10/2019	6.270	2.600	3.670		3.670	
10	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sên tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	6918	24/11/2017	84.187	33.364	5.330		5.330	
IV	Lĩnh vực Bảo vệ Môi trường	2			101.106	185.265	9.676		9.676	
1	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu Di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	61T	10/01/2011	86.606	80.304	6.692		6.692	Đã QT và tất toán
2	Xây dựng cầu Miếu Bông thuộc dự án Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	1	8881	30/10/2019	14.500	104.961	2.984		2.984	Đã QT và tất toán
IV	Lĩnh vực quản lý nhà nước	3			58.184	34.329	22.516		22.516	
1	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7453a	26/10/2019	9.000	4.390	4.296		4.296	Đã QT và tất toán
2	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8864	30/10/2019	34.348	16.939	16.119		16.119	Đã QT và tất toán
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan Thành ủy thành phố Uông Bí	1	7921	28/10/2019	14.836	13.000	2.100		2.100	Đã QT HM CT
V	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh	1			69.377	11.016	7.776		7.776	
1	Hỗ trợ đầu tư Căn cứ chiến đấu thành phố Uông Bí	1	6216	30/10/2017	69.377	11.016	7.776		7.776	Dùng triển khai thực hiện
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	176			1.672.221		1.278.593	384.000	894.593	
B.1	DỰ ÁN THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	77			1.536.199		1.170.657	384.000	786.657	
I	Lĩnh vực Quốc phòng - An Ninh	1			10.000		9.236		9.236	
1	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	1	35	21/10/2021	10.000		9.236		9.236	Đầu tư năm 2022, Đã QT và tất toán
II	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	8			189.948		186.182	130.000	56.182	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư được duyệt dự án			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	4.000		3.883		3.883	Đầu tư năm 2022, 'Đã QT và tất toán	
2	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp)	1	35	21/10/2021	9.703		9.249		9.249	Đầu tư năm 2022, 'Đã QT và tất toán	
3	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	35	21/10/2021	5.945		5.895		5.895	Đầu tư năm 2022, 'Đã QT và tất toán	
4	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí	1	74; 112	22/7/2022; 11/5/2023	120.000		116.855	116.000	855	NS Tỉnh hỗ trợ 116 tỷ đồng	
5	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	159; 216	07/11/2023; 22/10/2024	10.100		10.100	8.000	2.100	NS Tỉnh hỗ trợ 8 tỷ đồng	
6	Trường mầm non Phương Nam phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí	1	129; 217	21/7/2023; 22/10/2024	14.600		14.600	6.000	8.600	NS Tỉnh hỗ trợ 6 tỷ đồng	
7	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	158; 217	07/11/2023; 22/10/2024	17.500		17.500		17.500		
8	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	8.100		8.100		8.100		
III	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình	2			5.303	0	5.021		5.021		
1	Lắp dựng chổi kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	4529a	22/8/2021	3.294		3.132		3.132	Đã QT và tất toán	
2	Sửa chữa, cải tạo nhà chung cư 9 tầng thuộc Nhà máy Chế tạo thiết bị nâng hạ - Công ty cổ phần tập đoàn công nghiệp Quang Trung làm điểm thu dung, cách ly điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố	1	761	10/02/2022	2.009		1.889		1.889	Đã QT và tất toán	
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	6			20.435	0	15.587		15.587		
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	14	23/7/2021	3.785		3.496		3.496	Đã QT và tất toán	
2	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1	1088	22/12/2020	1.700		1.465		1.465	Đã QT và tất toán	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt dự án		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Nhà văn hóa khu 2 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	3.000		2.677		2.677	Đã QT và tất toán
4	Xây dựng Nhà Văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	94	05/6/2024	5.880		2.880		2.880	
5	Lắp dựng khung chữ "Yên Tử" tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	2.500		1.500		1.500	
6	Lắp đặt Biển chỉ dẫn và quảng bá khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử tại phường Phương Đông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	3.570		3.570		3.570	
V	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	51			1.113.651		787.238	131.000	656.238	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân lập, phường Phương Đông đến đầu tuyến đường vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	1097	22/12/2020	9.500		8.489		8.489	Đã QT và tất toán
2	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nổi phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	70	31/3/2021	8.000		7.264		7.264	Đã QT và tất toán
3	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ Quảng trường 25.2 đến núi giao ngã tư Trần Phú - Lũng Xanh phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	77	31/3/2021	21.500		21.500		21.500	Đầu tư năm 2021
4	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	72; 81	31/3/2021; 14/11/2022	289.758		289.758	130.000	159.758	Đầu tư năm 2022, BS KH vốn tại NQ 86 ngày 14/11/2022
5	Tuyến đường xóm giữa đầu nối từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bì Trung 1, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	6.303		6.229		6.229	Đầu tư năm 2022, Đã PDQT
6	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2	1	45	21/12/2021	25.000		25.000		25.000	Đầu tư năm 2022
7	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	3.854		3.548		3.548	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/bảng/năm	Thông tư được duyệt chương trình dự án		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
8	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	5.500		5.324		5.324	Đầu tư năm 2022; Đã PDQT
9	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	55	10/5/2022	15.000		15.000		15.000	Đầu tư năm 2022
10	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành phường Phương Nam	1	45	21/12/2021	3.688		3.562		3.562	Đã PDQT và tái toán
11	Khắc phục sai lờ kê bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến công 5 cửa, khu Dã Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	85	14/11/2022	4.500		1.229		1.229	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
12	Kê dả khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Làn Thập), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.500		987		987	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
13	Tuyến kè và nương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	3.000		2.495		2.495	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
14	Xử lý điểm sụt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	9.000		9.000		9.000	
15	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	2.822		2.768		2.768	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
16	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	1.200		913		913	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
17	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí - Hoàng Bò phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	600		510		510	Đầu tư năm 2023; Đã PDQT
18	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	60.000		60.000		60.000	
19	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	101	22/12/2022	65.000		65.000		65.000	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt dự án	Vốn đã bố trí giải ngân	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2		4	5	6	7	8
20	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (doan từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đa Bạc - VINACOMIN)	1	101	22/12/2022	23.000		10.000	1.000	9.000	Tập đoàn CN Than - Khảo sát Việt Nam hỗ trợ 1 tỷ đồng
21	Xử lý sắt lỏ mái ta luy đường thành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngựa Vằn doan ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	10.424		10.424		10.424	
22	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	5.000		5.000		5.000	
23	Chỉnh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	1.200		1.200		1.200	
24	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	7.800		7.800		7.800	
25	Chỉnh trang tuyến đường Lũng Xanh doan từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí	1	56; 810	10/5/2022; 10/3/2023	49.767		49.767		49.767	QĐ phê duyệt dự án
26	Kè chống sạt lở doan bờ suối khu 8 phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	10.850		10.850		10.850	
27	Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	129	21/7/2023	13.000		13.000		13.000	
28	Chỉnh trang đường Phú Thanh Tây doan từ Quốc lộ 18 đến Nhà văn hóa khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	14.650		14.650		14.650	
29	Chỉnh trang phố Hòa Bình doan từ đường Trần Nhân Tông đến quốc lộ 18, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	9.600		9.600		9.600	
30	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên doan từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu	1	129	21/7/2023	13.500		13.500		13.500	
31	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	14.940		143		143	
32	Hệ thống bán, soát vé điện tử phi tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử	1	129	21/7/2023	850		850		850	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư được duyệt dự án chương trình, dự án		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2		4	5	6	7	8
33	Mương thoát nước khu 5A, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	4.700		2.700		2.700	
34	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2 phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	1.350		1.056		1.056	Đã PDQT và tất toán
35	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Nam Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	350		350		350	
36	Tuyến đường nội đồng Mội Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	660		660		660	
37	Tuyến mương của ông Mai, thôn Khe Sù 2, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	420		420		420	
38	Tuyến đường nội đồng của ông Bầu, thôn Nam Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	1	129	21/7/2023	1.140		1.140		1.140	
39	Sửa chữa kè suối Vàng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vàng Danh	1	158	07/11/2023	920		920		920	
40	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đồi Đình Yên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	158	07/11/2023	4.000		4.000		4.000	
41	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dè Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	94	05/6/2024	5.000		5.000		5.000	
42	Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	94	05/6/2024	20.000		10.000		10.000	
43	Đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn nối đường Yên Trung - đường Yên Tử)	1	142; 215	19/7/2024; 22/10/2024	285.394		27.757		27.757	
44	Xây dựng tuyến rãnh thoát nước liên tổ 2, 3, 6, 7 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	244	14/11/2024	2.000		1.500		1.500	
45	Đường liên khu 3-4-5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	244	14/11/2024	14.963		8.000		8.000	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm		
A	B	C	1	2	3	4
46	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đập tràn hồ công viên tại phường Quang Trung, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	244	14/1/2024	5.883	
	<i>Cơ sở hạ tầng phát triển quy đất</i>	5			54.564	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm vỉa hè, rãnh thoát nước thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tự xây xen cư khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	1048	21/11/2020	4.000	3.845
2	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	1047	21/11/2020	23.500	23.500
3	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen cư tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	74	31/3/2021	3.500	2.725
4	Khu dân cư, tái định cư khu Bi Thưng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	13.564	13.564
5	Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Diên Công (nay là Khu Dền Công 3, phường Trung Vương)	1	8973a	31/10/2019	10.000	1.740
VI	Lĩnh vực quản lý nhà nước	7			184.262	162.995
1	Sửa chữa nhà làm việc khối mặt trận tổ quốc và các đoàn thể	1	1090	22/12/2020	2.000	1.926
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố	1	73	31/3/2021	1.894	1.767
3	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	1	111	11/5/2023	147.000	131.000
4	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở trung tâm chính trị thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.300	2.234
5	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	113	11/5/2023	14.500	14.500

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày tháng năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
6	Sửa chữa trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	13.000		8.000		8.000	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở chính Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	3.568		3.568		3.568	
VII	Lĩnh vực Bảo đảm xã hội	2			12.600		4.397		4.397	
1	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	113	11/5/2023	1.600		1.600		1.600	Dầu tư năm 2022
2	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	129	21/7/2023	11.000		2.797		2.797	
B.2	DỰ ÁN DO UBND XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ	99			136.023		107.936		107.936	
1	Phường Quang Trung	10			22.130		19.294		19.294	
1	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.960		2.415		2.415	Dầu tư năm 2022, Dã QT và tất toán
2	Xây dựng nương thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	2.606		2.430		2.430	Dầu tư năm 2022, Dã QT và tất toán
3	Mương thoát nước đoạn từ nhà ông Mọc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung (giai đoạn 1)	1	35	21/10/2021	1.210		936		936	Dầu tư năm 2022, Dã QT và tất toán
4	Xây dựng kè chống sạt lở suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hàng Hùm (giai đoạn 2)	1	74	22/7/2022	2.963		2.878		2.878	Dầu tư năm 2022, Dã QT và tất toán
5	Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.038		985		985	Dầu tư năm 2022, Dã QT và tất toán
6	Cải tạo đoạn đầu tuyến đường liên khu 3-4-5 (tuyến đường tổ 11a, khu 3) phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	96	27/6/2023	1.198		840		840	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
7	Đường vào xóm Mất Ròng thuộc tổ 17b, khu 5A phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	95	23/6/2023	961		675		675	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	3			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	
8	Chỉnh trang cải tạo khuôn viên vỉa hè khu quy hoạch tái định cư Nhà máy điện thuộc khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	97 Phường	27/6/2023	3.558		2.500		2.500		
9	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	2.817		2.817		2.817		
10	Xây dựng Nhà văn hóa khu 6, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	143	19/7/2024	2.819		2.819		2.819		
II	Phường Thanh Sơn	10			13.900		10.863		10.863		
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	2.000		1.108		1.108	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
2	Đường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	450		200		200	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
3	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	458		200		200	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
4	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7 phường Thanh Sơn	1	35	21/10/2021	610		250		250	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước tổ 3 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		560		560	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
6	Nâng cấp cải tạo tuyến đường thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	1	74	22/7/2022	672		645		645	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
7	Đường + Rãnh thoát nước Tổ 9, khu 6 (Đoạn từ phố Hữu Nghị đến Chùa Lũ) phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	125 Phường	05/5/2023	1.284		900		900	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán	
8	Mở rộng đường giao thông tổ 5, 6 khu 7 (xóm Mả Lìn từ nhà bà Bốn đến nhà ông Thào), phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	133 Phường	15/5/2023	1.985		1.400		1.400	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán	
9	Xây dựng rãnh thoát nước và sửa chữa Trụ sở UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	244	14/11/2024	750		500		500	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư đã được duyệt	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	3.100		5.100		5.100	
III	Phường Yên Thanh	8			13.023		8.657		8.657	
1	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Vân phòng HTX Vận tải Đức Phúc) đến công Sòng Sinh, khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	500		248		248	Đầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
2	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu Bì Giảng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoan từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu nội và dự án Tân Thành)	1	35	21/10/2021	1.100		832		832	Đầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bì Giảng (doan từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	1	35	21/10/2021	700		488		488	Đầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
4	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thanh phường Yên Thanh	1	35	21/10/2021	500		323		323	Đầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
5	Nhà văn hóa khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	154 Phường	07/9/2022	2.593		700		700	
6	Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai công trên địa bàn phường Yên Thanh	1	74	22/7/2022	2.000		1.736		1.736	
7	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	70 Phường	17/5/2024	2.800		1.500		1.500	
8	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	2.830		2.830		2.830	
IV	Phường Phương Đông	7			14.213		12.626		12.626	
1	Tuyến mương từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Dương Chi, khu Bì Thưng, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	2.056		1.947		1.947	Đầu tư năm 2022; Đa QT
2	Xây dựng tuyến mương từ tổ 2 đến tổ 3, khu Đồng Minh, phường Phương Đông	1	35	21/10/2021	1.944		1.854		1.854	Đầu tư năm 2022; Đa QT



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt (đồng)	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày tháng năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Thiế đến công ty Cổ phần Lê Hoàng Long thuộc khu Tân Lập và khu Tân Lập 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	195 Phường	22/6/2023	2.878		2.020		2.020	
4	Tuyến đường từ QL18A đến trạm điện, tổ 5, khu Đồng Minh, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	194 Phường	22/6/2023	1.476		1.040		1.040	
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	74	22/7/2022	2.460		2.366		2.366	Đầu tư năm 2022; Dã QT
6	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	1.900		1.900		1.900	
7	Sửa chữa hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	1.500		1.500		1.500	
V	Phường Phương Nam	5			4.922		4.150		4.150	
1	Đường giao thông khu Hồng Hà (đoạn từ trục đường chính đến nhà văn hóa khu Hồng Hà), phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	211 Phường	24/6/2023	738		520		520	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
2	Đường giao thông đoạn từ chợ công đến nhà văn hóa khu Hiệp Thái, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	212 Phường	24/6/2023	934		660		660	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Dã QT và tất toán
3	Sửa chữa, thay thế thiết bị các công điện tiết nước trên địa bàn phường Phương Nam	1	74	22/7/2022	750		720		720	Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
4	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	60 Phường	15/4/2024	800		550		550	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
5	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	1.700		1.700		1.700	
VI	Phường Trưng Vương	20			23.759		16.454		16.454	
1	Đường nội đồng đoạn từ Lỗ Lải đến đầu ruộng nhà ông Thắm thôn 2 (nay là khu Dền Công 2, phường Trưng Vương	1	35	21/10/2021	950		932		932	Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 13, khu 2, phường Trưng Vương	1	35	21/10/2021	700		652		652	Đầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư được duyệt từ dự án (tỷ đồng)		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
3	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Dân Công 2 đến nhà ông Đại khu Dân Công 2	1	35	21/10/2021	490		445		445	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
4	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ cổng trào lên nhà văn hóa khu 4, phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	550		519		519	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	1	35	21/10/2021	500		467		467	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
6	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 35, khu 6 đoạn từ nhà văn hóa khu 6 đến vườn nhà bà Tâm phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	124 Phường	30/5/2023	1.176		830		830	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
7	Xây dựng rãnh thoát nước đoạn giáp NVH khu 2 phường Trung Vương	1	129 Phường	19/6/2023	786		560		560	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
8	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 5 khu 1 phường Trung Vương	1	126 Phường	30/5/2023	806		610		610	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
9	Đường bê tông, vườn hoa khu vực giáp trạm bơm nước và trường mầm non Điện Công, phường Trung Vương	1	123 Phường	30/5/2023	467		330		330	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
10	Cải tạo, chỉnh trang tuyến điện chiếu sáng tổ 24, tổ 26, khu 4 và đoạn từ phố Đồng Mương đến bờ sông Uông thuộc tổ 7, khu 1, phường Trung Vương	1	193 Phường	12/9/2023	829		500		500	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện; Đã QT và tất toán
11	Sửa chữa trạm bơm và các công việc tiết nước, một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Điện Công 1, Điện Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	592		559		559	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán
12	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Công Baza khu Dân Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.766		1.400		1.400	
13	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.971		1.000		1.000	
14	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Dân Công khu Dân Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	2.195		1.100		1.100	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án (2016-2020)	Vốn đã bố trí giải đoạn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Tỷ lệ			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	
15	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	561		300		300		
16	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	76 Phường	17/5/2024	1.100		600		600		
17	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Dền Công 2 đến Công Baza phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.242		650		650		
18	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Dền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	67 Phường	25/12/2023	1.100		550		550		
19	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Dền Công 1, phường Trung Vương	1	67 Phường	25/12/2023	1.127		600		600		
20	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	3.850		3.850		3.850		
VII	Phường Nam Khê	5			4.037		3.069		3.069		
1	Cầu bắc giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	35	21/10/2021	850		490		490	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 6 đoạn phía sau NVH khu Tre Mai	1	35	21/10/2021	850		500		500	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
3	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	87 Phường	23/6/2023	750		525		525	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện	
4	Xử lý sụt lún đường giao thông giữa làng khu Chạp Khê sau mưa bão (đoạn từ công nhà thờ Chạp Khê đến nhà ông Mên)	1	74	22/7/2022	537		504		504	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán	
5	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	1.050		1.050		1.050		



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư được duyệt dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	3			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	
VIII	Phường Bắc Sơn	5				6.186	0	5.674		5.674	
1	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022		2.500		2.388		2.388	Dầu tư năm 2022; Dã QT
2	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Bắc Sơn	1	48 Phường	24/4/2023		306		230		230	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
3	Cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh trụ sở UBND phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	48 Phường	24/4/2023		610		400		400	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
4	Nạo vét Đập Rừng Thông khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022		600		486		486	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
5	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024		2.170		2.170		2.170	
IX	Phường Vàng Danh	21				23.015		17.275		17.275	
1	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021		2.947		2.691		2.691	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
2	Kè chống sạt lở tổ 5, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021		961		807		807	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
3	Cải tạo, nâng cấp cầu dân sinh tổ 7, khu 5B, phường Vàng Danh	1	35	21/10/2021		866		674		674	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
4	Xử lý xút lùn và cải tạo đường dân sinh tổ 5, khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022		220		201		201	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
5	Quy hoạch cấp đất xen cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hàng mục: Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể chất	1	55	10/5/2022		1.145		1.130		1.130	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
6	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn Miếu Thán, phường Vàng Danh	1	74	22/7/2022		2.000		1.849		1.849	Dầu tư năm 2022; Dã QT và tất toán
7	Via hè, rãnh thoát nước trường THCS Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	208 Phường	16/5/2023		913		560		560	
8	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	193 Phường	26/4/2023		590		371		371	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt từ dự án chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày tháng năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
9	Lắp đặt cột điện chiếu sáng tuyến đường giáp bờ kè phía đông suối Vàng Danh đoạn từ cầu Treo (cũ) đến cầu Miếu Thần, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	238 Phường	20/6/2023	703		490		490	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi thôn Miếu Thần, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	209 Phường	16/5/2023	1.170		820		820	
11	Xử lý sắt lợ và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	800		780		780	
12	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	1.400		700		700	
13	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thần đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	650		350		350	
14	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	550		250		250	
15	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	900		450		450	
16	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	800		400		400	
17	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cut đến cầu Lân Thiếp, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	900		450		450	
18	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	400		200		200	
19	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	350		200		200	
20	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	51 Phường	27/12/2023	1.750		900		900	
21	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	3.000		3.000		3.000	
X	Xã Thượng Yên Công	8			10.837		9.874		9.874	
1	Đường vào xóm ông Nghè thôn Quan Diên - Khe Thần, xã TYC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	308		293		293	Đầu tư năm 2022; Đã QT và tất toán

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư được duyệt chương trình, dự án	Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm			Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1			4	5	6	7	8
2	Tuyến đường xóm ông Hòa thôn Năm Mẫu 1, xã TÝC, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	466		446		446	Dầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
3	Đường giao thông nội đồng tuyến góc Quéo, thôn Khe Sủ 1, xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí	1	35	21/10/2021	862		829		829	Dầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
4	Tuyến đường nội đồng sang khu cánh đồng xóm ông Hồng thôn Đồng Chanh	1	35	21/10/2021	1.944		1.842		1.842	Dầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
5	Tuyến đường cánh đồng can thôn Khe Sủ 2 xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	26 Phường	10/5/2023	906		640		640	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên thôn Tập Đoàn - Đồng Chanh bị hư hỏng do mưa lũ; Hàng mục: Đoàn từ cánh phai đến cánh đồng thôn Đồng Chanh	1	28 Phường	02/6/2023	1.360		960		960	Hỗ trợ UBND xã, phường thực hiện
7	Tuyến đường Đồng Giảng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	74	22/7/2022	1.400		1.275		1.275	Dầu tư năm 2022; Đa QT và tất toán
8	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	143; 193	19/7/2024; 11/10/2024	3.590		3.590		3.590	
C	CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHÁC	18			47.053	0	183.767		183.767	
C.1	Hỗ trợ xã Thượng Yên Công thực hiện chương trình nông thôn mới						3.000		3.000	Phụ biểu số 03
C.2	Hỗ trợ các xã phường thanh toán các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 chuyển sang						65.000		65.000	Phụ biểu số 04
C.3	Vốn bố trí thanh toán cho dự án Quyết toán hoàn thành, chương trình nhiệm vụ khác									
C.4	Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trung Vương, thành phố Uông Bí						69.377		69.377	
C.5	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng nhà công vụ tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí						700		700	
C.6	Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiểu dự án Phả Lại - Hạ Long				17.993		16.629		16.629	
C.7	Vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	18			29.060		29.060		29.060	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định, thông mức đầu tư được duyệt từ được duyệt từ dự án			Vốn đã bố trí giải đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Ngày/tháng/năm		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
a	Kế hoạch đã phân bổ	18				29.060	29.060		29.060	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tiểu khu E1, E3 khu đô thị hiện hữu phường Phương Đông thuộc khu đô thị Tây thành phố (phần khu E) thành phố Uông Bí	1	6493	12/8/2019		361	361		361	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (khu B.1, phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	6666	22/8/2019		1.530	1.530		1.530	
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Bắc Sơn (phần khu J), thành phố Uông Bí	1	6134	25/7/2019		1.109	1.109		1.109	
4	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	2536	17/8/2023		5.878	5.878		5.878	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	3087	16/6/2023		500	500		500	
6	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nặm, thành phố Uông Bí	1	3614	07/7/2023		1.107	1.107		1.107	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí (đoạn từ Km 74+100 đến Km 87)	1	3587	06/7/2023		3.653	3.653		3.653	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	5299	20/10/2023		800	800		800	
9	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực phường Vàng Danh (Phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	3308	14/6/2024		4.964	4.964		4.964	
10	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Bắc Sơn (phần khu J), tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	3309	14/6/2024		1.608	1.608		1.608	
11	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phần khu G tại phường Phường Nam, thành phố Uông Bí	1	3310	14/6/2024		946	946		946	



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Số Văn bản	Ngày/tháng/năm	Loại mức đầu tư được duyệt		Tổng	NS TW, Tỉnh và khác	NS TP	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
12	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	2289	08/4/2024	2.700		2.700		2.700	
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	1216	01/4/2024	545		545		545	
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	2209	02/4/2024	408		408		408	
15	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu di tích quốc gia đặc biệt đình Đền Công - Miếu Cổ Linh tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	5161	29/10/2024	1.365		1.365		1.365	
16	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại Khu Tân Lập và Tân Lập 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	5160	29/10/2024	642		642		642	
17	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại khu 8, khu 10, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	5162	29/10/2024	587		587		587	
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 4, phường Quang Trung và điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/200 khu khu cư tại tổ 45c, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	5163	30/10/2024	358		358		358	
b	Kế hoạch chưa phân bổ									
D	DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN									

